Đề tài: QUẢN LÍ VẬT TƯ – PHÂN BÓN

Đối tượng: Hộ kinh doanh nhỏ lẻ

Mức độ áp dụng: Nông thôn

Chương I: Hiện trạng

* 1. Hiện trạng tổ chức:

+ Đối nội:

* Cửa hàng: do hộ gia đình làm chủ chuyên buôn bán các loại phân thuốc, phục vụ chon nhu cầu trồng trọt của các hộ gia đình nông thôn. (khách hàng buôn bán chính là các hộ canh tác cây lúa theo mùa vụ)
* Cơ cấu: nhỏ lẻ, kinh doanh tại vùng nông thôn.
* Số lượng quản lí : 1 hoặc 2 ( là các thanh viên trong gia đình)
* Sơ đồ cơ cấu tổ chức nội bộ:

Cửa hàng

Kho chứa

+ Đối ngoại:

* Nhà phân phối: các công ty chuyên phân phối các loại thuốc trừ sâu, bảo vệ thực vật, nhà cung cấp phân bón cho cây trồng.

. Ví dụ: CTY TNHH Phú Nông, Công Ty Cổ Phần VICOWIN, Nhà máy đạm Phú Mỹ, Ninh Bình…

* Khách hàng: đối tượng là những khách hàng trồng trọt nông sản, chuyên canh cây lúa ở nông thôn, lân cân khu vực trên địa bàn buôn bán.

1.2 Hiện trạng nghiệp vụ

- Nhu cầu thực tế: nhằm đáp ứng nhu cầu quản lí cửa hàng một cách dễ dàng hơn.

* Khó khăn: các hộ kinh doanh ở nông thôn gặp khó khăn trong vấn đề quản lí số sách chi tiêu, nhập ,xuất hàng, danh sách khách hàng, với thói quen dùng giấy vở để quản lí ghi chép, rất bất cập trong việc thất lạc sổ sách.
* Với người chủ cửa hàng họ phải tiến hành một loạt các thao tác để có thể vận hành tốt và duy trì mức độ kinh doanh ổn định của cửa hàng:

1. Nhập hàng: tiến hành nhập các loại phân thuốc đáp ứng nhu cầu của mùa vụ, mức độ chi mua đối với từng loại sản phẩm. Tính toán giá cả với số lượng từng loại sản phẩm mua, quản lí ngân sách hiện có của cửa hàng để nhập hàng với số lượng phù hợp,
2. Xuất hàng: hàng sẽ được bán cho khách hàng với nhu cầu mua của khách, quản lí số lượng sau khi bán, còn lại tổng số hàng trong kho (xem hàng hóa có còn lại trong kho hay không để điều chỉnh trong vấn đề nhập).
3. Quản lí kho: số lượng hàng đã bán, số lượng hiện có trong kho còn lại của từng loại mặt hàng.
4. Quản lí khách hàng: quản lí họ tên khách hàng, số tiền còn nợ lại sau khi mua (chưa thanh toán đủ)
5. Quản lí ngân sách: số tiền thu được trong từng ngay, theo tháng, theo mùa.

(kiểm tra mức độ hoàn vốn hay thâm hụt)

* Các công đoạn trong quy trình:

Cửa hàng

* Thời gian: phục vụ chon nhu cầu theo mùa vụ của nông dân trồng lúa, 1 năm có 3 vụ lúa: Đông Xuân, Hè Thu, Vụ 3.
* Khối lượng tác vụ:
* Đánh giá nghiệp vụ hiện tại: các hộ kinh doanh thường gặp khó khăn trong việc quản lí mua bán hàng, danh sách khách hàng mua hàng(khách hàng chưa thanh toán đầy đủ khi mua hàng), cần có một phần mềm để giúp cải thiện việc ghi chép, sổ sách của hộ kinh doanh, thống kê hàng hóa trong kho, quản lí khách hàng, vấn đề nhập xuất hàng thay thế trong cách hoạt động kinh doanh thủ công như hiện nay.
* Khó khăn: các hộ kinh daonh ở nông thôn thường không biết sử dụng máy tính, phần mềm để hỗ trợ trong kinh doanh, họ thường không muốn bỏ tiền để mua công nghê hay máy tính, họ chưa quen với việc sử dụng công nghệ trong sản xuất.
  1. Hiện trạng tin học

1. Phần cứng

* Các thiết bị: máy laptop Dell Vostrol 3559, Máy in Canon Pixma E410
* Số lượng: 1

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên thiết bị | Cấu hình | Vị trí | Số lượng | Loại kết nối |
| 1 | Máy laptop Dell Vostrol 3559 | Chip: Intel® Core™ i5-6500 CPU @ 2.30 GHz 2.40 GHz  RAM: 4GB  HDH: Window 10  Màn hình: 15.6 inch, HD (1366 x 768) | Đặt trong cửa hàng | 1 | Mạng LAN.  Kết nối với máy in, kết nối với điện thoại, kết nối với cổng USB. |
| 2 | Máy in Canon Pixma E410 | Tốc độ in: màu 4ipm/ trắng đen 8ipm  Độ phân giải tối đa: 4800x600  Kích thước tối đa A4.  In 2 mặt: thủ công | Đặt trong cửa hàng | 1 | Kết nối: cổng USB |

1. Phần mềm

* Làm việc trên hệ điều hành Window 10.
* Hệ quản trị CSDL: SQL Sever Management Studio 2017.
* Các phần mềm tiện ích khác như: Visual Studio 2015, Office 2016…

1. Con người

* Mức độ trình độ tin học hóa chưa cao, đòi hỏi phải có sự hướng dẫn chi tiết, tài liệu ngắn gọn dễ hiểu.

II- Thiết kế cơ sở dữ liệu:

1. Mô hình thực thể - mối kết hợp: (ERD)

* MaHD
* MaSP
* SoLuong
* MaHD
* NGHD

CTHDN

(1-1)

Xuất

Hóa đơn nhập

(1-n)

(1-n)

* MaSP
* TenSP
* Gia

(1-1)

Đại lí

(0-n)

* MaDL
* TenDL
* TongNo

Có

Sản phẩm nhập

(1-n)

Thuộc

(1-n)

(1-n)

* TenCH
* MaSP
* SL
* SoTienBan
* SoTienNo

(1-n)

Cửa hàng

(1-n)

Gồm

Sản phẩm

(1-n)

(0-n)

Bán hàng

* MaHD
* MaSP
* SoLuong
* MaSP
* TenSP
* Gia

(1-n)

* MaKH
* TenKH
* DiaChi
* TongNo

CTHD

(0-n)

(1-1)

Gồm

Khách hàng

(1-n)

Hóa đơn

* MaHD
* MaKH
* NGHD

1. Mô hình hóa chức năng:

* Biểu đồ phân rã chức năng – FDD

Nhập hàng

Xử lí hóa đơn nhập

Xử lí tiền nợ

Nhận hóa đơn

Quản lí tiền bán định kì

Xử lí thông tin tiền nợ của khách

Quản lí số lượng sản phẩm

Xử lí hóa đơn

Bán hàng